

Số: 383 /TTr-UBND

Thanh Trị, ngày 18 tháng 6 năm 2021

### TỜ TRÌNH

Về điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách huyện Thanh Trị,  
tỉnh Sóc Trăng năm 2021

**Kính gửi: Hội đồng Nhân dân huyện Thanh Trị.**

Căn cứ vào Luật Ngân sách Nhà nước, ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 28 của Nghị định 163/2016/NĐ-CP, ngày 21/12/2016 quy định thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3443/QĐ-UBND, ngày 09/12/2020 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 cho các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 61/NQ-HĐND, ngày 18/12/2020 của Hội đồng Nhân dân huyện Thanh Trị khoá XI kỳ họp lần thứ 17, về phân bổ dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương huyện Thanh Trị năm 2021;

Quá trình điều hành ngân sách huyện Thanh Trị trong 6 tháng đầu năm 2021 có phát sinh một số khoản thu, chi ngân sách huyện thay đổi so với dự toán đã phân bổ đầu năm như: ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện (bổ sung ngoài dự toán đầu năm); khoản thu, chi chuyển nguồn theo quy định của Bộ Tài chính; khoản thu, chi nguồn kết dư ngân sách huyện,

Căn cứ quy định và tình hình phát sinh nêu trên, UBND huyện kính trình HĐND huyện xem xét, quyết định điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng năm 2021, cụ thể như sau:

**1. Điều chỉnh tăng dự toán thu ngân sách huyện năm 2021 số tiền: 87.082.918.946 đồng. Dự toán sau khi điều chỉnh: 513.958.918.946 đồng, trong đó:**

**1.1** Dự toán thu ngân sách trên địa bàn: 31.050.000.000 đồng, trong đó ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp: 29.140.000.000 đồng (theo dự toán đầu năm).

**1.2** Tăng dự toán thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 20.513.781.352 đồng. Dự toán thu sau khi điều chỉnh là: 418.249.781.352 đồng. Bao gồm:

- Dự toán thu bổ sung cân đối là: 316.888.000.000 đồng (theo dự toán đầu năm).

- Dự toán thu bổ sung có mục tiêu đầu năm là: 80.848.000.000 đồng (theo dự toán đầu năm).



- Tăng dự toán thu bổ sung có mục tiêu trong năm số tiền: 20.513.781.352 đồng. Dự toán sau khi điều chỉnh là: 20.513.781.352 đồng.

**1.3** Tăng dự toán thu chuyển nguồn ngân sách huyện năm 2020 chuyển sang năm 2021 là 19.864.531.225 đồng (theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC, ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính).

- Dự toán thu chuyển nguồn ngân sách cấp huyện: 16.324.286.247 đồng.

- Dự toán thu chuyển nguồn ngân sách cấp xã: 3.540.244.978 đồng.

**1.4** Tăng dự toán thu kết dư ngân sách huyện: 46.704.606.369 đồng.

- Kết dư của ngân sách cấp huyện: 43.566.450.691 đồng.

- Kết dư của ngân sách cấp xã: 3.138.155.678 đồng.

**2. Điều chỉnh tăng dự toán chi ngân sách huyện năm 2021: 87.082.918.946 đồng. Dự toán sau khi điều chỉnh: 513.958.918.946 đồng, trong đó:**

**2.1** Tăng dự toán chi ngân sách cấp huyện là: 80.404.518.290 đồng, dự toán sau điều chỉnh là: 459.903.518.290 đồng, bao gồm:

- Dự toán chi ngân sách huyện theo phân cấp là: 295.201.000.000 đồng (không bao gồm chi ngân sách cấp xã - theo dự toán chi đầu năm).

- Dự toán chi bổ sung có mục tiêu đầu năm là: 80.848.000.000 đồng.

- Dự chi XD CB và chi cải cách tiền lương: 3.450.000.000 đồng.

- Tăng dự toán chi vốn bổ sung có mục tiêu trong năm là: 20.513.781.352 đồng. Dự toán chi sau khi điều chỉnh là: 20.513.781.352 đồng.

- Tăng dự toán chi chuyển nguồn ngân sách cấp huyện năm 2020 chuyển sang năm 2021 là 16.324.286.247 đồng (theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC, ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính).

- Tăng dự toán chi kết dư ngân sách cấp huyện năm 2020: 43.566.450.691 đồng.

**2.2** Điều chỉnh tăng dự toán chi ngân sách cấp xã: 6.678.400.656 đồng. Dự toán chi sau điều chỉnh: 54.055.400.656 đồng, trong đó:

- Chi ngân sách xã (theo dự toán đầu năm): 47.377.000.000 đồng

- Tăng dự toán chi chuyển nguồn ngân sách cấp xã năm 2020 chuyển sang năm 2021 là 3.540.244.978 đồng (theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC, ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính)

- Tăng dự toán chi kết dư ngân sách cấp xã: 3.138.155.678 đồng.

Ngoài ra, trong điều hành ngân sách 6 tháng cuối năm 2021, trường hợp có phát sinh nguồn hoặc được bổ sung vốn cho những nhiệm vụ cụ thể (không thuộc nhiệm vụ thu, chi đã điều chỉnh tại Tờ trình này) đề nghị HĐND huyện giao cho UBND huyện quyết định phân bổ, sử dụng đúng nhiệm vụ, mục tiêu của nguồn phát sinh và báo cáo với HĐND huyện trong kỳ họp cuối năm 2021.

*(Đính kèm phụ lục điều chỉnh)*

Trên đây là nội dung điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách huyện Thạnh Trị năm 2021 kính trình trước kỳ họp thứ nhất, HĐND huyện khóa XII xem xét, quyết định. /.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT.HU, TT.HĐND;
- Đại biểu HĐND;
- Thành viên UBND;
- Lưu: VP (VT – NC)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



*Lương Vũ Phương*



**PHỤ LỤC 1**

(Kèm theo Tờ trình số 3.83./TTr/UBND, ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban Nhân dân huyện Thạnh Trị)

Đơn vị: đồng

ST T	Nội dung	Dự toán đầu năm 2021	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện (chỉ tiêu phần đầu HĐND huyện giao)</b>	<b>31.050.000.000</b>	<b>0</b>	<b>31.050.000.000</b>	
	<b>Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện (chỉ tiêu tỉnh giao): trong đó thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 25.690.000.000 đồng</b>	<b>27.200.000.000</b>			
<b>B</b>	<b>Dự toán thu ngân sách huyện</b>	<b>426.876.000.000</b>	<b>87.082.918.946</b>	<b>513.958.918.946</b>	
<b>I</b>	<b>Dự toán thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp</b>	<b>29.140.000.000</b>	<b>0</b>	<b>29.140.000.000</b>	
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>397.736.000.000</b>	<b>20.513.781.352</b>	<b>418.249.781.352</b>	
<b>1</b>	<b>Thu bổ sung cân đối</b>	<b>316.888.000.000</b>		<b>316.888.000.000</b>	
<b>2</b>	<b>Thu bổ sung có mục tiêu đầu năm</b>	<b>80.848.000.000</b>		<b>80.848.000.000</b>	
2.1	Từ nguồn cân đối NSDP				
2.2	Từ nguồn xổ số kiến thiết	73.460.000.000		73.460.000.000	
2.3	Vốn bổ sung có mục tiêu của NSTW	7.388.000.000		7.388.000.000	
<b>3</b>	<b>Vốn bổ sung trong năm</b>	<b>20.513.781.352</b>	<b>20.513.781.352</b>	<b>20.513.781.352</b>	
3.1	KP thực hiện chính sách bảo trợ xã hội theo ND 136/2013/NĐ-CP năm 2021	10.749.000.000	10.749.000.000	10.749.000.000	
3.2	KP phê duyệt dự toán chi tiết kinh phí chi đảm bảo xã hội đợt 1 năm 2021 (chi quà Tết đối tượng chính sách, chúc thọ người cao tuổi trên 90 tuổi)	105.700.000	105.700.000	105.700.000	
3.3	KP thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ đợt 2 năm 2020 (lần 2)	307.027.339	307.027.339	307.027.339	
3.4	KP phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021	5.600.000.000	5.600.000.000	5.600.000.000	
3.5	KP bổ sung thực hiện biên soạn lịch sử Đảng bộ xã, phường, thị trấn, thời kỳ 1975-2015 (Tuần Túc, Châu Hưng)	50.000.000	50.000.000	50.000.000	
3.6	KP Quản lý chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Sóc Trăng	220.000.000	220.000.000	220.000.000	
3.7	KP bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ 2021-2026 (đợt 1)	400.000.000	400.000.000	400.000.000	

ST T	Nội dung	Dự toán đầu năm 2021	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
3.8	KP thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ đợt 2 năm 2020 (lần 3)	166.138.013	166.138.013	166.138.013	
3.9	KP đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo nghề dưới 3 tháng cho người lao động năm 2021	450.000.000	450.000.000	450.000.000	
3.10	KP bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ 2021-2026 và phân bổ kinh phí thực hiện (đợt 2)	1.191.000.000	1.191.000.000	1.191.000.000	
3.11	KP cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên	30.000.000	30.000.000	30.000.000	
3.12	KP phục vụ hoạt động các Ban Chỉ đạo và hoạt động chuyên ngành, chi đảm bảo xã hội đợt 2 năm 2021 (tổ chức kỷ niệm ngày thương binh liệt sĩ)	68.400.000	68.400.000	68.400.000	
3.13	KP bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ 2021-2026 và phân bổ kinh phí thực hiện (đợt 3)	-100.000.000	-100.000.000	-100.000.000	
3.14	Kinh phí chuyển chi chính thức bảo trợ xã hội 2016-2019	1.116.516.000	1.116.516.000	1.116.516.000	
3.15	Kinh phí phục vụ công tác thủy lợi nội đồng kết hợp giao thông nông thôn	10.000.000	10.000.000	10.000.000	
3.16	Kinh phí nghiên cứu khoa học và công nghệ năm 2021	100.000.000	100.000.000	100.000.000	
3.17	KP bổ sung thực hiện biên soạn lịch sử Đảng bộ xã, phường, thị trấn, thời kỳ 1975-2015 (Phú Lộc, Lâm Kiết)	50.000.000	50.000.000	50.000.000	
<b>III</b>	<b>Thu chuyển nguồn ngân sách năm 2020 chuyển sang năm 2021</b>		<b>19.864.531.225</b>	<b>19.864.531.225</b>	
1	Chuyển nguồn ngân sách huyện		16.324.286.247	16.324.286.247	
2	Chuyển nguồn ngân sách xã		3.540.244.978	3.540.244.978	
<b>IV</b>	<b>Thu kết dư</b>		<b>46.704.606.369</b>	<b>46.704.606.369</b>	
1	Kết dư ngân sách huyện		43.566.450.691	43.566.450.691	
2	Kết dư ngân sách xã		3.138.155.678	3.138.155.678	
<b>C</b>	<b>Dự toán chi ngân sách huyện (bao gồm chi trợ cấp ngân sách xã)</b>	<b>426.876.000.000</b>	<b>87.082.918.946</b>	<b>513.958.918.946</b>	
<b>I</b>	<b>Dự toán chi ngân sách cấp huyện</b>	<b>379.499.000.000</b>	<b>80.404.518.290</b>	<b>459.903.518.290</b>	

ST T	Nội dung	Dự toán đầu năm 2021	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Chi ngân sách cấp huyện theo phân cấp (không bao gồm chi ngân sách xã)</b>	<b>295.201.000.000</b>		<b>295.201.000.000</b>	
1.1	Chi đầu tư phát triển	23.209.000.000		23.209.000.000	
1.2	Chi thường xuyên	265.275.000.000	0	265.275.000.000	
1.3	Chi dự phòng ngân sách	6.717.000.000		6.717.000.000	
<b>2</b>	<b>Chi bổ sung có mục tiêu đầu năm</b>	<b>80.848.000.000</b>		<b>80.848.000.000</b>	
2.1	Từ nguồn cân đối NSĐP				
2.2	Từ nguồn xổ số kiến thiết	73.460.000.000		73.460.000.000	
2.3	Vốn bổ sung có mục tiêu của NSTW	7.388.000.000		7.388.000.000	
<b>3</b>	<b>Dự chi XDCB và chi cải cách tiền lương</b>	<b>3.450.000.000</b>		<b>3.450.000.000</b>	
<b>4</b>	<b>Vốn bổ sung trong năm</b>	<b>0</b>	<b>20.513.781.352</b>	<b>20.513.781.352</b>	
4.1	KP thực hiện chính sách bảo trợ xã hội theo NĐ 136/2013/NĐ-CP năm 2021		10.749.000.000	10.749.000.000	
4.2	KP phê duyệt dự toán chi tiết kinh phí chi đảm bảo xã hội đợt 1 năm 2021 (chi quà Tết đối tượng chính sách, chúc thọ người cao tuổi tròn 90 tuổi)		105.700.000	105.700.000	
4.3	KP thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ đợt 2 năm 2020 (lần 2)		307.027.339	307.027.339	
4.4	KP phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021		5.600.000.000	5.600.000.000	
4.5	KP bổ sung thực hiện biên soạn lịch sử Đảng bộ xã, phường, thị trấn, thời kỳ 1975-2015 (Tuần Túc, Châu Hưng)		50.000.000	50.000.000	
4.6	KP Quản lý chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Sóc Trăng		220.000.000	220.000.000	
4.7	Kp bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ 2021-2026 (đợt 1)		400.000.000	400.000.000	
4.8	KP thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ đợt 2 năm 2020 (lần 3)		166.138.013	166.138.013	
4.9	KP đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo nghề dưới 3 tháng cho người lao động năm 2021		450.000.000	450.000.000	
4.10	KP bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ 2021-2026 và phân bổ kinh phí thực hiện (đợt 2)		1.191.000.000	1.191.000.000	

ST T	Nội dung	Dự toán đầu năm 2021	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
4.11	KP cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên		30.000.000	30.000.000	
4.12	KP phục vụ hoạt động các Ban Chỉ đạo và hoạt động chuyên ngành, chi đảm bảo xã hội đợt 2 năm 2021 (tổ chức kỷ niệm ngày thương binh liệt sĩ)		68.400.000	68.400.000	
4.13	KP bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ 2021-2026 và phân bổ kinh phí thực hiện (đợt 3)		-100.000.000	-100.000.000	
4.14	Kinh phí chuyển chi chính thức bảo trợ xã hội 2016-2019		1.116.516.000	1.116.516.000	
4.15	Kinh phí phục vụ công tác thủy lợi nội đồng kết hợp giao thông nông thôn		10.000.000	10.000.000	
4.16	Kinh phí nghiên cứu khoa học và công nghệ năm 2021		100.000.000	100.000.000	
4.17	KP bổ sung thực hiện biên soạn lịch sử Đảng bộ xã, phường, thị trấn, thời kỳ 1975-2015 (Phú Lộc, Lâm Kiết)		50.000.000	50.000.000	
<b>5</b>	<b>Chi chuyển nguồn ngân sách cấp huyện năm 2020 chuyển sang năm 2021</b>		<b>16.324.286.247</b>	<b>16.324.286.247</b>	
<b>6</b>	<b>Chi kết dư ngân sách cấp huyện</b>		<b>43.566.450.691</b>	<b>43.566.450.691</b>	
	<b>Trong đó:</b>				
-	Chi xây dựng Hội trường UBND thị trấn Phú Lộc		3.514.000.000	3.514.000.000	
-	Chi xây dựng Cầu nhà ông Lâm Ken- Lộ Xóm Tro 1, thị trấn Hưng Lợi		223.000.000	223.000.000	2
-	Chi xây dựng Đường giao thông nông thôn xã Vĩnh Lợi		978.000.000	978.000.000	nguồn
-	Chi thực hiện công tác lập kế hoạch sử dụng đất năm 2021		222.754.710	222.754.710	
-	Cấp vốn ủy thác nguồn vốn cho vay hộ nghèo và các đối tượng CSXH trên địa bàn huyện		1.000.000.000	1.000.000.000	
-	Chi trợ cấp các xã, tt sửa chữa nhà sinh hoạt cộng đồng phục vụ bầu cử		366.500.000	296.500.000	
-	Chi mua sắm máy tính bảng, Lap top cho Ban Thường vụ Huyện ủy		210.000.000	210.000.000	
-	Chi mua sắm máy phát sóng FM 700W (Đài Truyền thanh)		265.000.000	265.000.000	
-	Chi mua sắm thiết bị lớp 1		4.291.000.000	4.291.000.000	
-	Chi sửa chữa hàng rào Phòng TN và Môi trường		161.830.000	161.830.000	
-	Chuyển ngân sách huyện cho Quỹ hỗ trợ nông dân huyện thực hiện theo kết luận 61-KL/TW		200.000.000	200.000.000	
-	Chi sửa chữa TT GD TX thành khu cách ly phòng, chống Covid - 19		344.500.000	344.500.000	
-	Chi trợ cấp mục tiêu xã Châu Hưng, Thạnh Trị đối ứng xây dựng cầu Trang 4		108.460.000	108.460.000	

ST T	Nội dung	Dự toán đầu năm 2021	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
-	Chi cải tạo đóng la phong khu nhà ăn, mua 02 chiếc xe máy cho Ban Chỉ huy Quân sự		174.000.000	174.000.000	
-	Chi Sửa chữa một cửa cũ thành cơ quan Phòng Dân tộc		171.000.000	171.000.000	
-	Chi mua 3 máy tính phục vụ cấp Căn cước công dân		45.000.000	45.000.000	
-	Chi mua sắm trang thiết bị làm việc cho các phòng, ngành cấp huyện		800.000.000	800.000.000	
-	Chi kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ mẫu giáo		6.261.240.000	6.261.240.000	
-	Chi hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí, theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ		1.043.131.000	1.043.131.000	
-	Chi kinh phí truy lãnh Nghị định 116 /2016		575.444.000	575.444.000	
-	Chi kinh phí biên soạn lịch sử Đảng		100.000.000	100.000.000	
-	Chi nộp trả tình các mục tiêu còn lại năm 2020		1.645.490.947	1.645.490.947	
-	Thực hiện một số nhiệm vụ khi phát sinh		20.866.100.034	20.936.100.034	
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách cấp xã</b>	<b>47.377.000.000</b>	<b>6.678.400.656</b>	<b>54.055.400.656</b>	
1	Chuyển nguồn ngân sách xã		3.540.244.978	3.540.244.978	
2	Kết dư ngân sách xã		3.138.155.678	3.138.155.678	

